

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TU TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TÀI LIỆU HỌC TẬP
Học Phần GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
(HỆ TRUNG CẤP dạy tại các TTGD TX)

HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN:.....

LỚP :.....

LƯU HÀNH NỘI BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2020

MỤC LỤC

STT	Tên bài	Tổng số tiết của bài	TRANG
1	Bài mở đầu	1	
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	4	5
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	10
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	16
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	22
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	31
7	Kiểm tra	2	
	Tổng cộng	30	

BÀI MỞ ĐẦU

1. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

1.1. Vị trí

Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, *Chính trị* trước hết là bảo đảm vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, hiệu lực quản lý của nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chính trị có vai trò to lớn. Chính trị đúng đắn giúp cho một giai cấp, mỗi con người thực hiện được mục tiêu của mình.

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

1.2. Tính chất môn học

Giáo dục chính trị là bộ phận của khoa học chính trị, của công tác tư tưởng, có nội dung chủ yếu là giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho mỗi người, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước.

Môn học *Giáo dục chính trị* gắn bó chặt chẽ với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với thực tiễn đất nước, gắn với sự tu dưỡng, rèn luyện của người học, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học, người học cần đạt được:

Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. NỘI DUNG CHÍNH

Môn học *Giáo dục chính trị* trình độ trung cấp có nội dung gồm: Khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin; Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh; Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam; Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

4.1. Phương pháp dạy học

Môn học *Giáo dục chính trị* lấy phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở dạy học; sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. Người học chú trọng tự nghiên cứu tài liệu, kết hợp với thảo luận trên lớp, liên hệ với thực tiễn nghề nghiệp đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, tham khảo nhiều tài liệu của Đảng, Nhà nước để củng cố kiến thức.

Giáo dục chính trị là môn học gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống. Trong dạy và học cần liên hệ với thực tiễn hiện nay; gắn dạy lý thuyết với học ngoại khoá, tham quan bảo tàng, thực tiễn sản xuất, các doanh nghiệp; các di tích lịch sử, văn hoá cách mạng...

4.2. Đánh giá môn học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định hiện hành do giáo viên trực tiếp giảng dạy phổ biến đến sinh viên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Làm rõ vị trí và tính chất của môn *Giáo dục chính trị*?
2. Cần phải làm những gì để học tập tốt môn *Giáo dục chính trị*?

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

I. KHÁI NIỆM CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành

- Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng, được V.I. Lênin bảo vệ và phát triển; hình thành và phát triển vào đầu thế kỷ XX.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mác – Lênin gồm ba bộ phận cấu thành

- + Triết học Mác – Lênin
- + Kinh tế chính trị Mác – Lênin
- + Chủ nghĩa xã hội khoa học

Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin có đối tượng nghiên cứu cụ thể khác nhau nhưng đều nằm trong một hệ thống lý luận khoa học thống nhất.

II. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin

1. Triết học Mác – Lênin

Triết học Mác - Lênin là trường phái triết học duy vật biện chứng, ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, với những nội dung cơ bản gồm:

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng:

- Vật chất và ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức
- + *Định nghĩa vật chất của Lênin:* Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của con người chép lại, chụp lại, phản ánh và nó tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.
- + *Ý thức* là sự phản ánh thế giới khách quan vào trong bộ não người một cách năng động, sáng tạo; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.
- + Giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong mối quan hệ này thì vật chất có trước, vật chất sinh ra và quyết định ý thức, song ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Vì vậy, con người phải tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan của mình.

- Phép biện chứng duy vật:

+ *Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến* chỉ ra rằng: các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau.

+ *Nguyên lý về sự phát triển* chỉ ra rằng: phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật, hiện tượng; phát triển là khuynh hướng chung của thế giới, phát triển diễn ra theo hình xoáy ốc.

+ *Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật* bao gồm: quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại; quy luật phủ định của phủ định.

b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ rõ cơ sở vật chất của đời sống xã hội và những quy luật cơ bản của quá trình vận động, phát triển của xã hội. Đó là các quy luật:

- *Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*: Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ phát triển thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất phát triển, thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Đến mức độ nào đó, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, nó sẽ mâu thuẫn và cản trở lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất.

- *Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng*: Cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng được xây dựng tương ứng. Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới biến đổi kiến trúc thượng tầng. Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

a. Học thuyết giá trị

❖ Hàng hóa

- Khái niệm: Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

- Hai thuộc tính của hàng hóa:

+ *Giá trị sử dụng của hàng hóa*: là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu của con người.

+ *Giá trị của hàng hóa*: là lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

❖ **Quy luật giá trị**

- *Quy luật giá trị*: Sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết. Đây là quy luật kinh tế căn bản của nền sản xuất hàng hoá.

- *Ý nghĩa của học thuyết* : Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

b. Học thuyết giá trị thặng dư

❖ **Hàng hóa sức lao động**

- Khái niệm: Sức lao động là tổng hợp thể lực và trí lực của con người được sử dụng trong quá trình lao động.

- Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa: Người lao động tự do về thân thể, có quyền bán sức lao động của mình và khi họ không có tư liệu sản xuất.

- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

+ *Giá trị hàng hóa sức lao động*: được quyết định bởi lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó.

+ *Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động*: hàng hóa sức lao động có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó chính là giá trị thặng dư.

- *Giá trị thặng dư* là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị hàng hóa sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

❖ **Bản chất của chủ nghĩa tư bản**

- Học thuyết giá trị thặng dư đã vạch rõ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản.

Ý nghĩa của học thuyết

+ Bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản.

+ Trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá

+ Cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

❖ Định nghĩa giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao; là lực lượng lao động cơ bản tiên tiến trong các quy trình công nghệ, dịch vụ công nghiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại hiện nay.

❖ Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân

- *Thứ nhất, về phương thức lao động*: Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

- *Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa*: Giai cấp công nhân là người không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản, trở thành người làm thuê và bị bóc lột giá trị thặng dư.

❖ Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là cộng sản chủ nghĩa.

b. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa lỗi thời bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trên lĩnh vực chính trị: Đảng cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân và các lực lượng nhân dân lao động đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập quyền lực chính trị về tay mình...

Trên lĩnh vực kinh tế: Phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội...

Trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa: Giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội; xây dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

c. Sự phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao; giai đoạn đầu là thời kỳ quá độ sau đó đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là xã hội cộng sản chủ nghĩa.

III. VAI TRÒ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ ba bộ phận cấu thành học thuyết.

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết duy nhất nêu rõ mục tiêu, con đường, lực lượng, phương thức giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là một học thuyết mở, sống động, không ngừng tự phê phán, tự đổi mới, bổ sung và phát triển trong thực tiễn cách mạng.

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết cách mạng, có ý nghĩa thực tiễn, không chỉ giải thích thế giới mà còn là cải tạo xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực.

2. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, và phong trào giải phóng dân tộc.

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ tư tưởng, là cơ sở lý luận của các Đảng Cộng sản trong việc hoạch định Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo cách mạng; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là hệ tư tưởng chủ đạo trong các hoạt động tinh thần của xã hội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm về chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành ?
2. Trình bày những nội dung cơ bản của triết học Mác – Lê nin.
3. Nêu hai thuộc tính của hàng hóa và cho ví dụ minh họa.

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

❖ Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”¹.

❖ Nguồn gốc và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Nguồn gốc thực tiễn:*

+ Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858. Đến năm 1884, chúng thiết lập sự thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân Việt Nam đã liên tục nổ ra nhưng đều bị đàn áp đẫm máu và cuối cùng đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Phong trào cứu nước muốn thắng lợi phải đi theo một con đường cứu nước mới.

+ Cách mạng tháng Mười Nga năm thắng lợi năm 1917 và thành lập Quốc tế Cộng sản (3-1919), thúc đẩy sự truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin và ra đời Đảng Cộng sản ở nhiều nước.

- *Nguồn gốc lý luận:*

+ *Tiếp thu truyền thống quý báu của dân tộc, quê hương và gia đình:* Nguyễn Sinh Cung sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình là nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ *Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây:* Lúc còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã tiếp thu giá trị tích cực của văn hóa Nho giáo. Khi ra đi tìm đường cứu nước, Người đã tiếp thu được những tư tưởng của cách mạng Mỹ (1776), Đại cách mạng Pháp (1789), đạo đức của Thiên chúa giáo, chủ nghĩa Tam dân ở Trung quốc... Đây là một trong những tiền đề hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

¹Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88

+ *Chủ nghĩa Mác-Lênin*: là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận, là nguồn gốc tư tưởng, lý luận chủ yếu, quan trọng nhất quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Nhân tố chủ quan*: Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về sự bền bỉ, không ngừng tích lũy tri thức, mẫu mực về đạo đức cách mạng, về phong cách lãnh đạo, làm việc, ứng xử... Những phẩm chất cá nhân của Người là cơ sở quyết định nhất để tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, các tư tưởng tiến bộ trên thế giới, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

❖ **Quá trình hình thành**

- Thời kỳ niên thiếu đến khi ra nước ngoài (1890-1911)
- Thời kỳ trải nghiệm cuộc sống và đến với chủ nghĩa Mác- Lênin (1911-1920)
- Thời kỳ hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc (1921-1930)
- Thời kỳ vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam (1930 - 1941)
- Thời kỳ phát triển hoàn thiện tư tưởng về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (1941-1969).

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người.

+ Độc lập dân tộc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”².

+ Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Độc lập phải triệt để toàn diện và bền vững. Muốn thế độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là chế độ do nhân dân làm chủ, chế độ có nền kinh tế phát triển cao, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột và bất công; các dân tộc chung sống trong hòa bình....

- Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận.

²Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr.108.

+ Sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do...

+ Sức mạnh thời đại đó là sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội.

2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

- Nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhà nước do dân là Nhà nước do dân tạo ra, do dân ủng hộ và nhân dân tham gia quản lý. Nhà nước vì dân là Nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu. Tất cả hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra, không có lợi ích nào khác.

- Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm được việc thực thi quyền lực của nhân dân. Người yêu cầu tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

- Đoàn kết toàn dân có tầm quan trọng đặc biệt, đoàn kết toàn dân mới phát huy cao nhất sức mạnh “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”³...

- Lực lượng đại đoàn kết dân tộc bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt tầng lớp, thành phần dân tộc, tín ngưỡng, chính kiến....

- Điều kiện để đoàn kết toàn dân tộc là phải có niềm tin vào nhân dân, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung.

- Hình thức của đại đoàn kết dân tộc được tổ chức trong Mặt trận dân tộc thống nhất; đoàn kết trong Đảng là hạt nhân để đoàn kết mọi người trong toàn xã hội.

4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Theo Hồ Chí Minh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải tạo lập trên cơ sở chế công hữu về tư liệu sản xuất, nhưng sản xuất cần gắn với phân phối công bằng hợp lý.

³Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 607

- Muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và yếu hèn, phải phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa.

Trong Di chúc, Người dẫn, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng, con người là mục tiêu của cách mạng.

5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng

- Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức có vai trò rất quan trọng. Đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội giống như gốc của cây, nguồn của sông suối. Có đạo đức cách mạng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Đạo đức cùng với tài năng của mỗi người đều quan trọng, nhưng đạo đức giữ vai trò là cái gốc của người cách mạng.

- Chuẩn mực đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh,

Thứ nhất là phẩm chất trung với nước, hiếu với dân.

Thứ hai là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Thứ ba là yêu thương con người

Thứ tư, có tinh thần quốc tế trong sáng

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để rèn luyện đạo đức của mỗi người đó là: Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống; Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

- Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò của tuổi trẻ “Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”; thanh niên chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên.

- Hồ Chí Minh chỉ ra rằng giáo dục thế hệ trẻ trên tất cả các mặt "đức, trí, thể, mỹ", giáo dục ý chí, đạo đức cách mạng, trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật và quân sự; nếp sống văn hóa, thể chất cho tuổi trẻ.

- Theo Người, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ phải phù hợp với đối tượng, phải theo hoàn cảnh, điều kiện. Giáo dục phải gắn liền với xã hội. Giáo dục phải phối hợp nhà trường – gia đình - xã hội, cần thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục.

- Người cũng chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương những người đi trước, tự mình phấn đấu học tập và rèn luyện để có tri thức, có ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng.

III. VAI TRÒ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng của Người đang được hiện thực hóa trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị đối với cách mạng Việt Nam mà còn phản ánh khát vọng thời đại là giải phóng dân tộc thuộc địa, là hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc.

IV . HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

a) Nội dung đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- *Nội dung đạo đức Hồ Chí Minh:* Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức, thống nhất tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức, nói đi đôi với làm, cụ thể ở các nội dung sau:

- + Suốt đời vì dân, vì nước “trung với nước, hiếu với dân.
- + Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích.
- + Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân.
- + Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người.
- + Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn.

- Nội dung phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách lãnh đạo, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt...

b) Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Xuất phát từ vai trò to lớn và quan trọng của đạo đức
- Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng người, tiêu biểu nhất cho truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam

- Thực trạng đạo đức hiện nay đòi hỏi “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”
- Thực hiện quan điểm của Đảng, đặc biệt là chỉ thị 05 của Bộ chính trị về việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

a) Năm vững nội dung cơ bản, hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

+ Đó là năm vững hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

+ Năm nội dung cốt lõi về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

+ Học tập phong cách tư duy; phong cách làm việc; phong cách ứng xử; phong cách nói đi đôi với làm; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương,...v.v.

b) Phương pháp học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

+ Đối với học sinh cần phấn đấu và rèn luyện theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bồi dưỡng tư tưởng, phẩm chất chính trị; không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc; trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ Đảng, chế độ; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết...

+ Không ngừng rèn luyện đức tính hiếu với dân, tận tụy với công việc; thật thà, chính trực, cần, kiệm, liêm, chính, biết quý trọng lao động, quý trọng thời gian và tài sản của tập thể, của mọi người, chống lãng phí, xa hoa; có trách nhiệm đối với học tập, công việc và cuộc sống; có tính tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức.

+ Rèn luyện phong cách, lối sống khiêm tốn, giản dị; chống kiêu căng, tự mãn; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, lười biếng; thói hám danh, hám lợi...

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh?*
- 2. Hãy nêu nội dung cơ bản tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh?*
- 3. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh?*

Bài 3

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

I. SỰ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- Tình hình thế giới

+ Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tình hình thế giới có những chuyển biến sâu sắc. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, tranh đua đi xâm lược thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để lại cho nhân dân thế giới những hậu quả rất nặng nề.

+ Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi năm 1917 đã cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.

+ Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản ra đời, trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản, công nhân quốc tế thúc đẩy sự ra đời hàng chục đảng cộng sản ở nhiều nước trên thế giới.

- Tình hình Việt Nam

+ Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng ký Hiệp ước Patenôt (1884), chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp ở toàn cõi Việt Nam.

+ Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Trong xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản. Mâu thuẫn cơ bản đồng thời là mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Mâu thuẫn cơ bản thứ hai, giữa nhân dân Việt Nam, đa số là nông dân với địa chủ phong kiến.

+ Ngay khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, các cuộc khởi nghĩa yêu nước đã diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, tiêu biểu như: *Phong trào Cần Vương, phong trào nông dân Yên Thế (1884- 1913), phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiểu tư sản...*, mặc dù các phong trào đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại.

Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiên bộ chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc... Cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

b. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, chuẩn bị thành lập Đảng

+ Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà rồng, thành phố Sài Gòn.

+ Sau khi rời Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành qua Pháp, nhiều nước châu Phi và đến sống ở Mỹ (1912-1913), ở Anh (1914-1917). Tháng 7-1917, Người từ Anh trở về Pari (Pháp) tham gia các hoạt động chính trị- xã hội và bắt đầu chú ý về nước Nga Xô viết.

+ Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam là con đường *Cách mạng vô sản*. Từ đây, Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Tháng 6/1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào cách mạng Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản vào năm 1929: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

+ Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức trên để đi đến thành lập Đảng cộng sản Việt Nam vào ngày 3-2-1930, tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc).

c. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp của công nhân Việt Nam theo hệ tư tưởng Mác –Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước; từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là nhân tố quyết định hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

a) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn. Sự phát triển đường lối cách mạng của Đảng với các chủ trương trong quá trình lãnh đạo ở giai đoạn này là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- Đảng đã kiên trì chuẩn bị chu đáo về lực lượng cách mạng; xây dựng khối đoàn kết liên minh giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác trong Mặt Việt Minh.

- Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng có phương pháp cách mạng đúng đắn, dự báo đúng, bám sát tình hình, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, công tác tuyên truyền vận động quần chúng linh hoạt, bằng nhiều hình thức phong phú để vận động hàng chục triệu quần chúng cả nước quyết tâm đấu tranh giải phóng dân tộc.

b) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc chống Pháp xâm lược (1945-1954)

- Đảng có đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp đúng đắn, sáng tạo, đó chính là đường lối *kháng chiến toàn dân, toàn diện lâu dài, dựa và sức mình là chính*; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.

- Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, động viên quân dân cả nước, phát huy chính nghĩa, tinh thần đoàn kết trong mặt trận Liên Việt vì “Tổ Quốc trên hết”, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, quyết tâm vì độc lập tự do đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Đảng có công tác tổ chức tài giỏi, lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén vừa tổ chức kháng chiến, từng bước phát triển kinh tế, văn hóa kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

c) Vai trò lãnh đạo Đảng trong cuộc chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

- Đảng có đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, tổng hợp, dẫn dắt cuộc kháng chiến của toàn dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là đường lối đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, đã động viên quân dân cả nước ta tin tưởng vào chính nghĩa vượt qua mọi gian khổ hy sinh, cả nước ra trận.

- Đảng đã phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

d) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975- 1986)

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vừa ra sức khôi phục kinh tế vừa phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc; đồng thời tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

e) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới (1986- nay)

- Trải qua các kỳ Đại hội Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016) Đảng ta đã đề ra các đường lối về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đường lối về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Những thành tựu trong công cuộc đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

II. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

a) Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

- Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật đổ chế độ quân chủ và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

b) Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế

❖ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945- 1954)

- Đối với trong nước, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã buộc thực dân Pháp và các nước phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Đối với quốc tế, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở ba nước Đông Dương, là tấm gương cổ vũ các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

❖ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

- Quân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, giải phóng miền Nam, giành lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta, kỷ nguyên hòa bình thống nhất, cùng đi một nhiệm vụ đi lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam; góp phần nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ, tự do và hòa bình phát triển của nhân dân thế giới.

❖ Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc là một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước và góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

- Qua hơn 30 năm đổi mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

+ Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

+ Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển.

+ Chính trị-xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường.

+ Văn hóa-xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.

+ Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

+ Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

+ Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

- 90 năm qua, kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta đã ra khỏi nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và thế giới.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

2. Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng Việt Nam.

3. Làm rõ công lao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?

4. Phân tích ý nghĩa một trong những thắng lợi to lớn của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo?

Bài 4

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

I. NỘI DUNG CỦA CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

a) Quan điểm phát triển kinh tế-xã hội

Một là, phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững.

Hai là, đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Bốn là, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

b) Những định hướng lớn phát triển kinh tế, xã hội

Một là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh và phân phối.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh

Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển.

Hai là, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

Ba là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

Bốn là, tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người

a) Quan điểm phát triển văn hóa, con người

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Ba là, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

b) Định hướng lớn phát triển văn hóa, con người

Một là, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ.

Hai là, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và

cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Ba là, giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.

Bốn là, khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Năm là, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

Sáu là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

a) Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Mô hình tăng trưởng kinh tế kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh; giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai, nhập khẩu công nghệ mới.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu phát triển kinh tế; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát

triển. Tiến hành các bước từ tạo tiền đề, tạo điều kiện đến đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Phát triển công nghiệp

Tiếp tục xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học-công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm.

Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bước phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hóa.

+ Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu.

Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp-công nghiệp-dịch vụ công nghệ cao.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ở nông thôn.

+ Phát triển khu vực dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như: du lịch, hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin.

Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ khác.

+ Phát triển kinh tế biển

Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo.

Thu hút mạnh mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

+ *Phát triển kinh tế vùng, liên vùng*

Thống nhất quản lý, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác. Có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn.

+ *Phát triển đô thị*

Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường.

+ *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*

Xây dựng hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối.

Xây dựng hạ tầng ngành điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

Xây dựng hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hạ tầng đô thị lớn hiện đại, đồng bộ, từng bước đáp ứng chuẩn mực đô thị xanh của một nước công nghiệp.

b) Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- *Tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

- *Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp*

Thể chế hóa quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt.

Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật.

Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh

- *Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường*

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ công thiết yếu; có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ các thị trường: thị trường tài chính, để thị trường bất động sản, thị trường khoa học-công nghệ...

- *Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế*

Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

- *Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước, vai trò làm chủ của nhân dân đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về kinh tế-xã hội.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và

các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế-xã hội.

c) Quản lý, phát triển xã hội, thực hiện công bằng xã hội

Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội.

Quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

Coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

Huy động các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh, coi trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và các dịch vụ y tế hiện đại. Phát triển y học dân tộc.

Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân, đồng thời làm cơ sở để phát triển thể thao thành tích cao.

2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

a) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập.

Xây dựng và phát huy lối sống “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người.

b) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Xây dựng môi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

c) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

d) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước. tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước..

e) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa.

Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

g) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta hiện nay*
- 2. Trình bày những giải pháp phát triển kinh tế xã hội của nước ta hiện nay*
- 3. Trình bày quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*
- 4. Trình bày những phương hướng lớn xây dựng và phát triển con người mới ở Việt Nam?*

Bài 5
TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH
NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

I. QUAN NIỆM VỀ NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

Mọi người có quyền sống, bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ danh dự và nhân phẩm;

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp; Quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước;

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội và biểu tình;

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất;

Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

Nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế.

Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân - thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Mọi người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động tốt

Người lao động tốt là người công dân tốt có khả năng lao động tốt. Tiêu chí chung nhất của người lao động tốt được thể hiện trong sự rèn luyện, phấn đấu:

- *Đối với chính mình:* Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; Yêu nghề, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm, có tính kỉ luật, có lối sống lành mạnh;

- *Đối với mọi người:* có tinh thần tập thể, đoàn kết và biết quan tâm vì lợi ích chung “mình vì mọi người”.

- *Đối với công việc:* lao động có tay nghề thuần thục, có trách nhiệm, có sáng tạo, có kỹ thuật và trình độ ngày càng cao nhằm tạo ra năng suất lao động ngày càng cao làm lợi cho doanh nghiệp, cho bản thân mình và cho xã hội

Biết sử dụng ngoại ngữ để phục vụ tốt ngành nghề được đào tạo, có khả năng ứng dụng sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ.

II. NỘI DUNG TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; xác định quyền hạn, trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

- Có lòng nhân ái, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.

- Xây dựng lối sống lành mạnh, văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu, phê bình chủ nghĩa cá nhân, tránh xa các tệ nạn xã hội.

- Chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

a) Tu dưỡng và rèn luyện về phẩm chất chính trị

Tu dưỡng rèn luyện tinh thần yêu nước: trung với nước, hiếu với dân; tin tưởng và đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã chọn.

Tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ.

Xác định động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn.

b) Tu dưỡng và rèn luyện về đạo đức, lối sống, sức khỏe

Mỗi người học cần biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức công dân; rèn luyện lối sống lành mạnh “*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*”, chí công vô tư.

c) Tu dưỡng, rèn luyện về văn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp

Rèn tình yêu nghề, say mê với nghề, học nghề nào phải giỏi nghề đó.

Không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, hiểu biết về lý luận chính trị, các môn khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật, khoa học và công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tin học...

Rèn luyện sức khỏe và tác phong công nghiệp.

d) Tu dưỡng, rèn luyện về tinh thần trách nhiệm: với công việc, với gia đình, với cơ quan, đơn vị, cộng đồng và toàn xã hội

Làm tốt vị trí, vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong các quan hệ xã hội.

Phải hoàn thành công việc được giao, đúng yêu cầu chất lượng, thời gian, hiệu quả và tiết kiệm.

Có trách nhiệm để xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm với vợ (chồng), con cái, cha mẹ, họ hàng nội ngoại... để phần đầu rèn luyện, giữ gìn.

Xây dựng cơ quan đơn vị vững mạnh, có văn hóa, thu nhập cao.

Có trách nhiệm tham gia các sinh hoạt chung, góp phần mình vào xây dựng quê hương và xã hội sạch, đẹp, văn minh, thân thiện, đoàn kết.

Luôn rèn luyện trở thành người công dân tốt, có trách nhiệm, tuân thủ tự giác các quy định của pháp luật, thực hiện quyền và trách nhiệm của mỗi công dân...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt?
2. Cần phải làm gì và như thế nào để tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt?